

Số: /TC-STP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trong tháng 6 năm 2026

Thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Công văn số 622/UBND-NCPC ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng và ban hành Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành trong tháng 6 năm 2026, cụ thể như sau:

A. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Qua theo dõi, tổng hợp, Sở Tư pháp thấy rằng, trong tháng 6 năm 2026, các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành gồm các văn bản như sau:

Nghị quyết do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành:

- Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031;
- Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 về ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 về hỗ trợ cho người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 hỗ trợ chi quà tặng cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân Kỷ niệm 50 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh;

6. Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định về mức quà tặng tri ân đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư thôi tham gia công tác do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư, tổ nhân dân tự quản do kết thúc mô hình;

7. Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 về miễn phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh;

8. Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

9. Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

10. Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động; việc kiêm nhiệm và hỗ trợ kinh phí hoạt động của khu phố, ấp, thôn, khu dân cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

11. Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

12. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh;

13. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định lệ phí hộ tịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

14. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí;

15. Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

16. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định việc

lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương; phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đối với đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

17. Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức chi hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

18. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

19. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh;

20. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức học bổng khuyến khích học tập của trường trung học phổ thông chuyên, trường năng khiếu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

21. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã.

Quyết định do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành:

1. Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

3. Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 về Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Thành phố Hồ Chí Minh;

5. Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

6. Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

7. Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý;

8. Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

9. Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

10. Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với các nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

11. Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc tổ chức làm việc sáng thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

12. Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

13. Quyết định số 45/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

B. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Trên cơ sở thông tin do các sở, ban, ngành Thành phố cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trong tháng 6 năm 2026 như sau:

I. Nghị quyết do Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành

1. Nghị quyết số 06/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 – 2031

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố.

b) Cơ sở thực tiễn

Trong nhiệm kỳ 2021 - 2026, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động theo Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND ngày 24/7/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026. Ngày 30/3/2026, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2026 - 2031 đã họp kỳ họp Thứ nhất bầu ra các chức danh chủ chốt nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền Thành phố, bảo đảm hệ thống chính trị vận hành ổn định, thông suốt và hiệu lực ngay từ những ngày đầu của nhiệm kỳ mới, như vậy nhiệm kỳ 2021 - 2026 đã kết thúc. Bên cạnh đó, ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 103/2025/UBTVQH15 quy định về Quy chế làm việc mẫu của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố đã có hiệu lực với một số nội dung quy định mới. Như vậy, Nghị quyết số 21/2025/NQ-HĐND đến nay đã không còn phù hợp với thực tiễn và quy định hiện hành.

c) Mục đích ban hành

Để hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ mới được thống nhất, đáp ứng yêu cầu tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng nhân dân Thành phố thì việc Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 là cần thiết và đảm bảo cơ sở pháp lý.

1.3. Nội dung chủ yếu:

Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, hình thức làm việc, quy trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, quan hệ công tác của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

2. Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 về ban hành Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15;

- Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước;

b) Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/3/2026, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 117/2025/QH15 có hiệu lực thi hành, thay thế Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018 và Nghị định số 63/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, thay thế Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ. Với nhiều quy định mới theo hướng hoàn thiện cơ sở pháp lý về bảo vệ bí mật nhà nước trong tình hình mới, nhất là trong môi trường số và trên không gian mạng, cụ thể hóa các quy định về văn bản điện tử, hạ tầng kỹ thuật mạng LAN độc lập và quản lý trí tuệ nhân tạo (AI). Đồng thời, các địa phương cũ trước sáp nhập có sự thiếu thống nhất, chồng chéo, có khoảng trống về quy trình phân cấp thẩm quyền ký, đóng dấu mật đỏ của các chức danh thuộc Hội đồng nhân dân.

c) Mục đích ban hành

Việc ban hành Nghị quyết mới nhằm thống nhất, đồng bộ quy chế bảo vệ bí mật nhà nước là hết sức cần thiết. Đây là giải pháp then chốt để thiết lập hành lang pháp lý chuẩn hóa, bảo đảm tính an toàn, bảo mật nghiêm ngặt và chuyên nghiệp trong hoạt động lưu trữ, giao nhận và tổ chức các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân Thành phố trong giai đoạn mới.

2.3. Nội dung chủ yếu:

Quy chế này quy định bí mật nhà nước, hoạt động bảo vệ bí mật nhà nước; trách nhiệm và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nghị quyết số 08/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 121/2025/QH15; Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 136/2025/QH15;

Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 42/2013/QH13, Luật số 81/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 136/2025/QH15; Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 136/2025/QH15;

- Nghị quyết số 116/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về trình tự, thủ tục, trách nhiệm của Quốc hội và Hội đồng nhân dân trong việc tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

b) Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, các văn bản làm cơ sở cho hoạt động tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư của cơ quan dân cử trước đây đã hết hiệu lực hoặc được thay thế. Thành phố Hồ Chí Minh vẫn luôn là địa bàn có khối lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh lớn và phức tạp. Việc phân loại đơn hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, tỷ lệ đơn không đủ điều kiện xử lý, đơn trùng lặp còn cao. Quy định pháp luật mới đã đưa ra các tiêu chí chặt chẽ hơn về “đơn đủ điều kiện xử lý”. Các quy định về giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2026 và các quy định còn lại sẽ có hiệu lực từ ngày 01/7/2026. Do đó cần thiết ban hành Quy chế chi tiết theo thẩm quyền được giao tại khoản 3 Điều 39 Nghị quyết số 116/2025/UBTVQH15.

c) Mục đích ban hành

Tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thuận tiện để Hội đồng nhân dân triển khai thực hiện công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

3.3. Nội dung chủ yếu:

Quy chế này quy định việc Hội đồng nhân dân Thành phố tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn và giám sát đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Nghị quyết số 09/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 về hỗ trợ cho người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ; Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

b) Cơ sở thực tiễn

Thành phố đã triển khai và đẩy mạnh hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố, thông qua chính sách trợ giá, đẩy mạnh hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và các chính sách miễn, giảm giá vé cho một số đối tượng theo các Luật, văn bản của Chính phủ và các Bộ có liên quan từ nguồn ngân sách Thành phố. Tuy nhiên, thực tiễn trong giai đoạn hiện nay, giá nhiên liệu biến động mạnh và đang duy trì ở mức cao, chi phí đi lại đang trở thành gánh nặng lớn cho nhiều người dân Thành phố. Việc phụ thuộc lớn vào phương tiện giao thông cá nhân không chỉ làm gia tăng chi phí đi lại của người dân mà còn tạo áp lực lên hạ tầng giao thông, môi trường đô thị và an ninh năng lượng. Trong bối cảnh đó, nhu cầu chuyển dịch sang các phương thức giao thông bền vững và tiết kiệm năng lượng ngày càng trở nên cấp thiết.

c) Mục đích ban hành

Hỗ trợ cho người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, giảm bớt một phần kinh phí đi lại của người dân trong điều kiện giá nhiên liệu tăng cao; góp phần thu hút người dân thay đổi thói quen sử dụng phương tiện giao thông công cộng, thanh toán không tiền mặt, hạn chế sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông, giảm ùn tắc giao thông, giảm tai nạn giao thông và giảm ô nhiễm môi trường. Tạo cơ sở pháp lý cho việc miễn giá vé cho hành khách đi xe buýt; đảm bảo cơ sở pháp lý hỗ trợ kinh phí từ ngân sách cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

4.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghị quyết này không hỗ trợ đối với các tuyến xe buýt liên tỉnh, tuyến xe buýt sử dụng xe ô tô thoán gác chở khách du lịch, tuyến xe buýt hoạt động dịch vụ vận chuyển hành khách kết nối trung tâm đô thị và trung tâm du lịch đến cảng hàng không, tuyến xe buýt có tính chất hoạt động như tuyến xe buýt liên tỉnh.

5. Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 hỗ trợ chi quà tặng cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân Kỷ niệm 50 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Cơ sở thực tiễn

Các khoản trợ cấp thường xuyên hiện nay phần lớn chỉ đáp ứng được nhu cầu sống cơ bản. Nhóm người có công (đa phần đã cao tuổi, sức yếu) và nhóm yếu thế (bảo trợ xã hội và các thành viên hộ nghèo, cận nghèo) luôn phải đối mặt với các chi phí phát sinh đột xuất về y tế và sinh hoạt tại một đô thị có mức sống cao như Thành phố Hồ Chí Minh. Kỷ niệm 50 năm Thành phố mang tên Bác (1976 - 2026) không chỉ là một mốc thời gian, mà là một sự kiện có ý nghĩa chính trị, tư tưởng và tình cảm vô cùng sâu sắc. Dịp kỷ niệm này là thời điểm để khơi dậy niềm tự hào và sự đồng thuận xã hội. Việc chăm lo chính sách cho các đối tượng yếu thế là công cụ quản lý nhà nước hiệu quả để ổn định xã hội, tiếp tục củng cố niềm tin, đảm bảo tinh thần không ai bị bỏ lại phía sau được thực thi một cách thực chất và trọn vẹn nhất.

c) Mục đích ban hành

Ghi nhận, tôn vinh và tri ân sâu sắc những cống hiến, hy sinh to lớn của người có công với cách mạng; đồng thời san sẻ, động viên và hỗ trợ thiết thực về vật chất lẫn tinh thần cho các đối tượng yếu thế (đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, cận nghèo) nhân sự kiện trọng đại Kỷ niệm 50 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua đó, lan tỏa mạnh mẽ truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, khơi dậy niềm tự hào và thắt chặt khối đại đoàn kết, nghĩa tình của hệ thống chính trị và Nhân dân Thành phố.

5.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định đối tượng, nội dung chi, mức chi quà tặng cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo nhân Kỷ niệm 50 năm Ngày Thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

6. Nghị quyết số 11/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định về mức quà tặng tri ân đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư thôi tham gia công tác do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư, tổ nhân dân tự quản do kết thúc mô hình

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn Thành phố có thể giảm khoảng 2.003 khu phố, ấp, thôn, khu dân cư và giảm tương ứng số lượng người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư. Đồng thời, tại 66 đơn vị hành chính cấp xã kết thúc mô hình Tổ dân cư, Tổ nhân dân tự quản kết hợp khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại khu phố, ấp, thôn, khu dân cư sẽ giảm khoảng 21.590 người giữ các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư, tổ nhân dân tự quản. Do đó, việc ban hành Nghị quyết thể hiện sự quan tâm, động viên, tri ân của Thành phố đến đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư, tổ nhân dân tự quản.

c) Mục đích ban hành

Quy định mới nhằm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất giữa quy định của địa phương đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành kể từ khi có Nghị quyết sắp xếp, tổ chức lại khu phố, ấp, thôn, khu dân cư của cấp có thẩm quyền; Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư, tổ nhân dân tự quản chấm dứt hoạt động kể từ khi cấp có thẩm quyền có văn bản kết thúc mô hình. Đảm bảo việc đề xuất, xây dựng chế độ, chính sách đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đảm bảo nguồn lực khi triển khai thực hiện.

6.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định về mức quà tặng tri ân đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư thôi tham gia công tác do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; Tổ trưởng, Tổ phó tổ dân cư, tổ nhân dân tự quản do kết thúc mô hình. Mức quà tặng tri ân tại Nghị quyết này được tặng một lần, bằng tiền mặt.

7. Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 về miễn phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm hỗ trợ sản xuất kinh doanh

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026 đến hết ngày 30/6/2029.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn hiện nay, kinh tế thế giới diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, nền kinh tế chịu tác động nghiêm trọng và đa chiều từ các yếu tố bất ổn, bao gồm xung đột chính trị, xung đột thương mại gia tăng giữa các nước lớn, cùng với khủng hoảng an ninh hàng hải tại Trung đông làm gián đoạn nghiêm trọng các tuyến vận tải huyết mạch. Các yếu tố này không chỉ làm gia tăng mạnh chi phí vận tải biển, nhiên liệu và bảo hiểm hàng hóa mà còn kéo dài đáng kể thời gian giao nhận, gây đứt gãy cục bộ chuỗi cung ứng và làm gia tăng rủi ro trong hoạt động thương mại quốc tế. Trong nước, các doanh nghiệp còn phải gánh chịu sự gia tăng của nhiều loại chi phí như chi phí tài chính do lãi suất và tiếp cận tín dụng còn khó khăn; rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị hợp đồng xuất nhập khẩu; chi phí lưu kho, lưu bãi do thời gian thông quan kéo dài... Trước những khó khăn trên, việc thực hiện thu phí hạ tầng cảng biển trong giai đoạn hiện nay sẽ làm gia tăng áp lực chi phí cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Do đó việc lựa chọn giải pháp miễn phí cho phép kịp thời giảm bớt phần nào chi phí cho doanh nghiệp trong một giai đoạn đồng thời duy trì công cụ chính sách trong dài hạn mà pháp luật nhà nước đã quy định.

c) Mục đích ban hành

Giảm chi phí logistics và chi phí đầu vào cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, qua đó trực tiếp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động; Bảo đảm và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và hàng hóa xuất khẩu, góp phần ổn định đơn

hàng, duy trì thị trường và hạn chế nguy cơ thu hẹp sản xuất; Thúc đẩy lưu thông hàng hóa qua hệ thống cảng biển, nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng logistics, qua đó hỗ trợ tăng trưởng hoạt động thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu của Thành phố; Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thể hiện vai trò đồng hành của chính quyền với doanh nghiệp, tạo niềm tin và thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước.

7.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định miễn phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Nghị quyết số 91/2025/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành mức thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu cảng biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

8. Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

8.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đầu tư số 143/2025/QH15; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025; Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, các chính sách ưu đãi về đất đai đã ban hành trước đây tại các địa phương cũ không còn bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình áp dụng. Do đó, việc ban hành một Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất áp dụng thống nhất trên toàn địa bàn Thành phố là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để khuyến khích thu hút đầu tư, nhất là các dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, dự án phi lợi nhuận; đồng thời góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với chủ trương xã hội hóa của Đảng và Nhà nước.

c) Mục đích ban hành

Việc ban hành quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư các dự án theo chủ trương xã hội hóa của Đảng, Nhà nước, các dự án phi lợi nhuận; cụ thể hóa chính sách được giao theo thẩm quyền quy định của pháp luật.

8.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; Dự án phi lợi nhuận theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

9. Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

9.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH13;
- Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực Nội vụ;
- Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21/7/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý; Thông tư số 10/2025/TT-BNV ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và lĩnh vực Nội vụ của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ sở thực tiễn

Để đồng bộ các quy định, nghiệp vụ, nâng cao tính chủ động của các đơn vị và đảm bảo chi trả kịp thời cho người thụ hưởng, cần thiết ban hành nghị quyết để kịp thời triển khai áp dụng thống nhất, đồng bộ (sau sắp xếp đơn vị hành chính) về tỷ lệ

chi phí quản lý thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh mới sau hợp nhất. Do đó, việc ban hành quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành Nội vụ quản lý trên địa bàn phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tình hình thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh sau khi hợp nhất là cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

c) Mục đích ban hành

Nhằm kịp thời triển khai thực hiện chi phí quản lý thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng do ngành Nội vụ quản lý cho năm tài chính hiện tại và những năm tiếp theo đảm bảo tính thống nhất, thông suốt và không bị gián đoạn, cần thiết ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Nghị quyết này không áp dụng đối với kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

10. Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động; việc kiêm nhiệm và hỗ trợ kinh phí hoạt động của khu phố, ấp, thôn, khu dân cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

10.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của

thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

b) Cơ sở thực tiễn

Từ ngày 01/7/2025, căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, Thành phố Hồ Chí Minh (mới) trên cơ sở hợp nhất toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thành phố có 168 đơn vị hành chính cấp xã với 5.947 khu phố, ấp, thôn, khu dân cư và khoảng 17.678 người hoạt động không chuyên trách ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; có khoảng 27.822 người trực tiếp tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, trong thời gian chờ Chính phủ ban hành Nghị định mới về thực hiện sắp xếp khu phố, ấp, thôn, khu dân cư, Thành phố vẫn tiếp tục duy trì số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành trước ngày 01/7/2025. Do đó, cần thiết ban hành quy định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất giữa quy định của địa phương đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành.

c) Mục đích ban hành

Quy định mới nhằm bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất giữa quy định của địa phương đối với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương ban hành. Quy định mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; số lượng, mức hỗ trợ hàng tháng đối với người tham gia hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư; việc kiêm nhiệm và hỗ trợ kinh phí hoạt động. Đảm bảo việc đề xuất, xây dựng chế độ, chính sách đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, đảm bảo nguồn lực khi triển khai thực hiện.

10.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách; số lượng, chức danh, mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động; việc kiêm nhiệm và hỗ trợ kinh phí hoạt động ở khu phố, ấp, thôn, khu dân cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

11.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026 và áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026 - 2030.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03/02/2026;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP.

b) Cơ sở thực tiễn

Tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, kế hoạch đầu tư công hằng năm, bảo đảm việc phân bổ vốn đúng mục tiêu, tránh đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách địa phương; nâng cao tính công khai, minh bạch trong quản lý, phân bổ và sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026 - 2030.

c) Mục đích ban hành

Tạo căn cứ để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm đảm bảo tương quan hợp lý về cơ cấu phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, lĩnh vực; phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách cho cấp xã; bổ sung có mục tiêu cho cấp xã; vốn thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án. Nâng cao hiệu quả đầu tư công trong giai đoạn 2026 - 2030, tạo sức lan tỏa, dẫn dắt, thu hút tối đa các nguồn vốn ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh, bền vững; phát huy vai trò của đầu tư công là một trong các động lực tăng trưởng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh.

11.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Thành phố giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản áp dụng tại Thành phố Hồ Chí Minh

12.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 29/6/2026.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15; Luật Địa chất và Khoáng sản số 54/2024/QH15;

- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật phí và lệ phí; Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

b) Cơ sở thực tiễn

Việc xây dựng Nghị quyết nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ các đối tượng khai thác khoáng sản tại Thành phố theo quy định và đảm bảo đúng quy trình, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, gắn với công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của Thành phố. Nguồn thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, trong đó ưu tiên cho việc triển khai thực hiện các biện pháp để phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đến môi trường tại địa phương; khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

c) Mục đích ban hành

Nhằm quy định cụ thể mức thu phí theo quy định tại Biểu khung mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP để áp dụng trên địa bàn Thành phố và thay thế Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND, Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND và Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND. Làm cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành thu phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác. Đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác, tận thu khoáng sản trên địa bàn Thành phố. Làm căn cứ bố trí sử dụng nguồn phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản thu được cho công tác bảo vệ môi trường tại nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

12.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo khoản 4 Điều 6 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định

lệ phí hộ tịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

13.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;

- Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;

- Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau sáp nhập, đối với phương thức nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch và thông qua dịch vụ bưu chính, mức thu lệ phí hiện vẫn được thực hiện theo các Nghị quyết riêng của từng địa phương trước khi sáp nhập (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), đồng thời, các nghị quyết này vẫn còn có sự khác nhau trong quy định về mức thu; đối tượng, mức miễn, giảm lệ phí hộ tịch. Do đó, cần thiết ban hành quy định mới đảm bảo áp dụng thống nhất, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương.

c) Mục đích ban hành

Nhằm tạo cơ sở pháp lý trong công tác thu lệ phí hộ tịch tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và minh bạch trong thu, nộp và quản lý lệ phí hộ tịch (sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh); nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của người dân trong việc nộp lệ phí hộ tịch.

13.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định lệ phí hộ tịch đối với trường hợp cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí

14.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

b) Cơ sở thực tiễn

Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí đã hết hiệu lực từ ngày 14/02/2026. Căn cứ Thông tư số 140/2025/TT-BTC ngày 30/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cần thiết xây dựng quy định mới để đảm bảo cơ sở cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước xác định hạng ghế máy bay (khác hạng ghế thường) khi mua vé máy bay cho các lãnh đạo đi công tác ngắn hạn nước ngoài.

c) Mục đích ban hành

Nghị quyết được ban hành nhằm triển khai quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 140/2025/TT-BTC; góp phần đảm bảo việc sử dụng ngân sách nhà nước để mua vé máy bay khi đi công tác ngắn hạn nước ngoài phù hợp với từng chức danh lãnh đạo.

14.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định tiêu chuẩn mua vé máy bay đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí theo quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 140/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính.

15. Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

15.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026. Nghị quyết này được thực hiện cho đến khi Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 hết hiệu lực thi hành.

15.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15, Luật số 95/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 130/2025/QH15; Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

- Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ

sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025.

b) Cơ sở thực tiễn

Bảo đảm thống nhất nguyên tắc, điều kiện thực hiện tổ chức trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện một số dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo 98/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 của Quốc hội. Xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố để đảm bảo phù hợp với quy định, cơ chế, chính sách đặc thù mới thúc đẩy phát triển Thành phố.

c) Mục đích ban hành

Xây dựng quy định trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được giao tại khoản 12 Điều 6 Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15.

15.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện trước việc điều tra, khảo sát, ghi nhận hiện trạng, đo đạc, kiểm đếm, thống kê, phân loại diện tích đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi; xác định nguồn gốc đất thu hồi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện:

- Dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo Điều 78, Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đã được bổ sung tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Dự án thuộc danh mục ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược quy định tại điểm

n khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 98/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15.

16. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương; phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đối với đường sắt địa phương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

16.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

16.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 112/2025/QH15, Luật số 135/2025/QH15 và Luật số 143/2025/QH15;

- Nghị quyết số 188/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 15/8/2025.

b) Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, Thành phố đang đẩy mạnh triển khai hệ thống đường sắt đô thị. Nếu không kịp thời mở rộng phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND, các khu vực TOD mới (ngoài các tuyến đường sắt đô thị theo Danh mục Nghị quyết số 188/2025/QH15 của Quốc hội) sẽ rơi vào tình trạng thiếu cơ sở pháp lý, quy trình riêng biệt để lập và phê duyệt quy hoạch và thiếu cơ sở pháp lý để triển khai lập việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đối với đường sắt địa phương tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ban hành quy định mới sẽ giúp đẩy nhanh công tác quy hoạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và chức năng sử dụng đất, từ đó đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trong khu vực TOD để tạo nguồn lực tài chính cho Thành phố.

c) Mục đích ban hành

Nhằm hợp nhất các quy định khác nhau về quy hoạch đô thị theo định hướng giao thông công cộng TOD, hình thành một khung pháp lý thống nhất, giúp các cơ quan quản lý và nhà đầu tư có cái nhìn xuyên suốt, minh bạch, tránh tình trạng lúng túng khi áp dụng các quy định khác nhau trong việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch khu vực TOD, phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến trên cùng một địa bàn Thành phố. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, góp phần thực hiện mục tiêu đẩy nhanh phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng

và tạo nguồn lực để đầu tư hoàn thành mạng lưới đường sắt đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh theo chủ trương, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Chính phủ, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

16.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 1 Điều 25 Luật Đường sắt số 95/2025/QH15, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 188/2025/QH15 thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, đặc biệt để phát triển hệ thống mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh gồm:

1. Lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch khu vực TOD đối với đường sắt địa phương, đường sắt quốc gia đoạn qua Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Lập, thẩm định, phê duyệt phương án tuyến công trình, vị trí công trình, tổng mặt bằng tuyến đối với đường sắt địa phương.

17. Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức chi hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

17.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

17.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

- Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

b) Cơ sở thực tiễn

Trong giai đoạn 2018 - 2025, Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai các chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo nền tảng ban đầu về nhân lực, kết nối công nghệ và quản trị tài sản trí tuệ. Tuy nhiên, phương thức tiếp cận hiện nay còn dàn trải, trong khi các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều rào cản về tài chính và nhân lực để thực hiện lộ trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh chuyên sâu. Để nâng cao hiệu quả thực chất, chính sách hỗ trợ trong giai đoạn tiếp theo cần chuyển dịch từ diện

rộng sang chiều sâu, thay vì chỉ hỗ trợ đầu vào sẽ tập trung thúc đẩy các đầu ra cụ thể như nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới và bảo hộ tài sản trí tuệ. Việc Nhà nước đồng hành với mức hỗ trợ tài chính cao hơn quy định hiện hành là vô cùng cần thiết nhằm giảm thiểu rủi ro, tiếp thêm nguồn lực để doanh nghiệp bứt phá và tham gia sâu vào các ngành kinh tế tri thức chiến lược.

c) Mục đích ban hành

Cụ thể hóa các chính sách của Trung ương về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thiết lập cơ chế hỗ trợ tài chính phù hợp với điều kiện thực tiễn của Thành phố Hồ Chí Minh đối với các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Tập trung nguồn lực hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao của doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

17.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

18. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

18.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

18.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp;

công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng, mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

b) Cơ sở thực tiễn

Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Thành phố có 1.588 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, trong đó lĩnh vực thương mại điện tử và trí tuệ nhân tạo chiếm tỷ lệ khoảng 25%. Việc xây dựng quy định mới sẽ tạo khung pháp lý phù hợp với Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Tạo lập nền tảng vững chắc và lâu dài cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Thành phố nói riêng và Việt Nam nói chung, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nâng tầm hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Thành phố và cả nước lên ngang tầm và có khả năng cạnh tranh với hệ sinh thái của các nước trong khu vực và quốc tế đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

c) Mục đích ban hành

Nghị quyết là cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện các nội dung và mức hỗ trợ cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số, góp phần thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố. Đẩy mạnh việc hình thành và phát triển ngày càng nhiều các loại hình doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cho Thành phố từ việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

18.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách Thành phố đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

19. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh

19.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

19.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở định mức chi mới được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN, Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN là có cơ sở, cần thiết và phù hợp thẩm quyền.

c) Mục đích ban hành

Quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố. Đảm bảo khả năng cân đối của ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ một cách hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định pháp luật.

19.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định một số nội dung, mức chi có sử dụng ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện:

- Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo khoản 1 Điều 1 Thông tư số 38/2025/TT-BKHHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ theo khoản 1 Điều 1 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

20. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định mức học bổng khuyến khích học tập của trường trung học phổ thông chuyên, trường năng khiếu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

20.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

20.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

- Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

b) Cơ sở thực tiễn

Trước thời điểm sáp nhập, học sinh trường chuyên của các địa phương hưởng mức học bổng khuyến khích theo các mức khác nhau. Đồng thời, trong bối cảnh chi phí sinh hoạt tại Thành phố Hồ Chí Minh ở mức cao, mức học bổng sẵn trước đây không còn tạo được động lực phấn đấu xứng tầm. Việc đề xuất mức học bổng khuyến khích mới là cơ sở thực tiễn, giúp học sinh có thể chi trả tài liệu chuyên sâu và nghiên cứu khoa học, khẳng định vị thế đầu tàu trong đầu tư nhân tài của Thành phố. Việc xây dựng Nghị quyết mới sẽ tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để triển khai mức học bổng khuyến khích học tập tại các trường trung học phổ thông chuyên và trường năng khiếu do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

c) Mục đích ban hành

Ban hành quy định về chính sách quy định mức học bổng khuyến khích học tập của trường trung học phổ thông chuyên, trường năng khiếu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ tạo động lực học tập cho học sinh mà còn đảm bảo tính nhất quán trong việc thực hiện chiến lược thu hút, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thành phố Hồ Chí Minh.

20.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định mức học bổng khuyến khích học tập của trường trung học phổ thông chuyên, trường năng khiếu thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh. Nghị quyết này được áp dụng để xét cấp học bổng từ học kỳ II năm học 2025 - 2026.

21. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã

21.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 19/6/2026.

21.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Thông tư số 117/2025/TT-BTC ngày 16/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

b) Cơ sở thực tiễn

Thực tế sau sáp nhập đơn vị hành chính có sự thiếu thống nhất về quy định liên quan của các địa phương, đồng thời chưa bảo đảm quyền lợi chính đáng của các đối tượng được thụ hưởng. Do đó, việc ban hành Nghị quyết quy định thống nhất các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã (sau sắp xếp) là yêu cầu khách quan, cần thiết nhằm tạo hành lang pháp lý đồng bộ, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và phù hợp với điều kiện thực tiễn kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp, trên cơ sở kế thừa những điểm nổi bật của các Nghị quyết đã được thực hiện trước đó là phù hợp và đảm bảo cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn.

c) Mục đích ban hành

Nghị quyết mới được ban hành trên cơ sở quy định định mức tại Thông tư số 117/2025/TT-BTC, thay thế các quy định hiện hành đang được áp dụng tại 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trước đây (tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), bảo đảm việc triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh sau sắp xếp đơn vị hành chính và đáp ứng yêu cầu thực tiễn về quản lý tài chính trong lĩnh vực thể dục thể thao trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

21.3. Nội dung chủ yếu:

Nghị quyết này quy định các mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp Thành phố và cấp xã được tổ chức theo thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 13 và khoản 3 Điều 38 của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14.

II. Quyết định do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành

1. Quyết định số 32/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/6/2026.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;
- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05/3/2025; Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai; Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi sáp nhập tỉnh, thành, sắp xếp và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp thì tên gọi và chức năng, nhiệm vụ của các sở ngành, đơn vị, địa phương có sự thay đổi, một số nội dung, mức chi trong các quy định trước đây không còn phù hợp. Do đó, việc xây dựng và ban hành Quyết định này sau sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

c) Mục đích ban hành

Việc ban hành Quyết định nhằm đảm bảo cho công tác quản lý, sử dụng, thanh quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (mới) được kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và đúng quy định pháp luật hiện hành.

1.3. Nội dung chủ yếu:

Quyết định này quy định chi tiết nội dung chi và mức chi Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố Hồ Chí Minh cho công tác hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai và hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP.

2. Quyết định số 33/2026/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/6/2026.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15; Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15; Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư; Nghị định số 68/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của Chính phủ quy định về chữ ký số chuyên dùng công vụ; Nghị định số 137/2024/NĐ-CP ngày 23/10/2024 của Chính phủ về quy định về giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin phục vụ giao dịch điện tử; Nghị định số 23/2025/NĐ-CP ngày 21/02/2025 của Chính phủ quy định về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy; Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ; Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước.

b) Cơ sở thực tiễn

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho công tác tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, phù hợp với quy định hiện hành, đồng thời ban hành các quy định cụ thể

nhằm thực hiện việc gửi, nhận văn bản điện tử thông qua kết nối, liên thông các hệ thống quản lý tài liệu điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong tình hình mới, việc ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là cần thiết.

c) Mục đích ban hành

- Nhằm quy định, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc gửi, nhận văn bản điện tử thông qua kết nối, liên thông các hệ thống quản lý tài liệu điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố, bao gồm: tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước cho tổ chức, cá nhân.

- Đảm bảo hoạt động phối hợp thường xuyên, kịp thời, hiệu quả giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và lưu trữ văn bản điện tử. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu suất tiếp nhận và triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo của cấp trên trên môi trường số, phục vụ tốt cho các cấp chính quyền Thành phố trong công tác tham mưu, quản lý, điều hành, hỗ trợ ra quyết định, góp phần tăng hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp

2.3. Nội dung chủ yếu:

Quy chế này quy định việc gửi, nhận văn bản điện tử thông qua kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý tài liệu điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này không áp dụng đối với việc gửi, nhận văn bản điện tử có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định số 34/2026/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

3.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08/6/2026.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Quản lý thuế 38/2019/QH14; Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15; Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; Nghị định số 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ Quy định về khu công nghệ cao; Nghị định số

92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được sửa đổi bởi Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

b) Cơ sở thực tiễn

Việc ban hành Quyết định nhằm tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan chức năng thực hiện các quy trình liên quan rõ ràng, minh bạch khi tiến hành quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, đảm bảo đúng nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; đảm bảo tuân thủ nguyên tắc xử lý vi phạm và giải quyết vụ việc trong hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Chương I Nghị quyết số 198/2025/QH15.

c) Mục đích ban hành

Hoàn thiện các quy định về quy trình kiểm tra nội dung về đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để các cơ quan chức năng có thẩm quyền triển khai áp dụng thống nhất.

3.3. Nội dung chủ yếu:

Quy định về phân cấp tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với công chức trong các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Đối tượng áp dụng: Công chức theo khoản 2 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 đang làm việc tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc Thành phố Hồ Chí Minh; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

4. Quyết định số 35/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 về Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 22/6/2026.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

- Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số

171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

b) Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 171/2025/NĐ-CP đã bãi bỏ các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; do đó, cơ sở pháp lý của các quyết định quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (trước sắp xếp), tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã không còn hiệu lực.

c) Mục đích ban hành

Việc xây dựng Quy chế nhằm cụ thể hóa các quy định của Đảng, Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15 và Nghị định số 171/2025/NĐ-CP; đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, thống nhất quản lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, đảm bảo đủ khả năng thực thi công vụ, phục vụ nhân dân. Phân cấp trong công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác sử dụng, quản lý công chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị; đảm bảo kỷ luật, kỷ cương, nâng cao ý thức trách nhiệm của công chức về tự nghiên cứu, tự học tập và lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ. Quy định ban hành đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan trong xét, cử cán bộ, công chức tham gia các khóa, lớp đào tạo, bồi dưỡng do Thành phố tổ chức, đồng thời nâng cao hiệu lực

4.3. Nội dung chủ yếu:

Quy chế này quy định về nội dung, hình thức, tổ chức quản lý, trình tự, chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức ở trong nước và nước ngoài, phân cấp phê duyệt ban hành, quản lý chương trình bồi dưỡng; trách nhiệm trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân Thành phố, các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

5. Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh

5.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20/6/2026.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực, đã mở rộng hơn các đối tượng điều chỉnh, ngoài nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đang được thực hiện theo Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND), như: chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. Do đó, việc ban hành Quyết định mới về quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết.

c) Mục đích ban hành

- Quy định chi tiết các tiêu chí, nội dung, trình tự thực hiện và hồ sơ trong quá trình xây dựng, triển khai chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn Thành phố, đồng thời làm căn cứ triển khai thống nhất trên Hệ thống thông tin quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Đáp ứng nhu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang diễn ra hết sức khẩn trương trong mọi ngành, mọi lĩnh vực trên địa bàn Thành phố theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 24/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và các quy định tại Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đưa khoa học và công nghệ thật sự là động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định hiện

hành; đẩy mạnh đầu tư xã hội cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Triển khai nhanh chóng các nội dung về phân cấp quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

5.3. Nội dung chủ yếu:

Quy định này quy định quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; các tổ chức, doanh nghiệp quản lý, thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác có liên quan đến chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo pháp luật Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6. Quyết định số 37/2026/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2026 quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

6.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14, Luật số 62/2020/QH14, Luật số 47/2024/QH15;

- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ, Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

b) Cơ sở thực tiễn

Trước đây, các quy định về kết nối giao thông công trình xây dựng vào hệ thống đường bộ chưa thật sự chi tiết, đầy đủ, do đó, trong thời gian qua chưa có quy định nào hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, phương án kết nối giao thông của các công

trình xây dựng. Bên cạnh đó, kể từ ngày 01/7/2025, Thành phố Hồ Chí Minh (mới) được thành lập trên cơ sở sáp nhập tỉnh Bình Dương, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với Thành phố Hồ Chí Minh (cũ). Do đó, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trước đây của các địa phương đã không còn phù hợp, cần thiết phải ban hành quy định mới.

c) Mục đích ban hành

Xây dựng Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 30 của Luật Đường bộ và quy định liên quan.

6.3. Nội dung chủ yếu:

Quy định về trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sử dụng, khai thác và xây dựng nút giao đối với đường địa phương đang khai thác trên địa bàn Thành phố.

7. Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý

7.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025; Nghị định số 15/2025/NĐ-CP ngày 03/02/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường sắt; Nghị định số 16/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt.

b) Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, tuyến đường sắt đô thị số 1 Thành phố Hồ Chí Minh (Bến Thành – Suối Tiên) đã chính thức đưa vào khai thác thương mại từ tháng 12 năm 2024, đánh dấu bước khởi đầu quan trọng trong quá trình hình thành hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn của Thành phố, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với

công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt đô thị trong giai đoạn vận hành. Giai đoạn đến năm 2030, Thành phố phấn đấu hoàn thành 06 tuyến đường sắt đô thị với khoảng 187 km; giai đoạn 2030–2035, hoàn thành 08 tuyến với khoảng 275 km, nâng tổng số tuyến đưa vào khai thác lên 14 tuyến với khoảng 462 km; giai đoạn 2035–2045, hoàn thành thêm 05 tuyến với khoảng 239 km, tiến tới hoàn chỉnh mạng lưới theo quy hoạch với 19 tuyến, tổng chiều dài khoảng 700 km.

Trong bối cảnh hệ thống đường sắt đô thị của Thành phố đã bước sang giai đoạn khai thác, vận hành và đồng thời chuẩn bị mở rộng đầu tư với quy mô lớn theo lộ trình nêu trên, nhưng hiện nay Thành phố chưa có quy định riêng, thống nhất về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương, nhất là về phân công trách nhiệm, cơ chế tổ chức thực hiện và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Mục đích ban hành

Nhằm cụ thể hóa các quy định của Luật Đường sắt năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương; thiết lập cơ sở pháp lý thống nhất để tổ chức quản lý, bảo trì công trình đường sắt thuộc phạm vi Thành phố quản lý; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Qua đó, bảo đảm duy trì chất lượng, trạng thái kỹ thuật và tuổi thọ công trình; bảo đảm an toàn công trình, an toàn giao thông đường sắt; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương.

7.3. Nội dung chủ yếu:

Quy định này điều chỉnh hoạt động quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt địa phương thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, bao gồm công trình đường sắt do Nhà nước đầu tư và công trình đường sắt đầu tư bằng nguồn vốn ngoài Nhà nước.

8. Quyết định số 39/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định về phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

8.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2026.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 48/2014/QH13; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 28/2023/QH15 và Luật số 54/2024/QH15;

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 116/2025/QH15;

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27/02/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa; Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý hoạt động đường thủy nội địa đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 06/2024/NĐ-CP; Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP; Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; Nghị định số 74/2026/NĐ-CP ngày 14/3/2026 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính, cơ quan chuyên môn các cấp, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập tỉnh/thành đã có nhiều thay đổi về quy định pháp luật trong công tác phân cấp quản lý, thay đổi về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn và thay đổi về địa giới hành chính của các địa phương; thay đổi về phạm vi áp dụng, danh mục phân cấp, giao quản lý, do đó, cần thiết ban hành quy định mới nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế sau sáp nhập và đồng bộ trong công tác quản lý, khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

c) Mục đích ban hành

Nhằm đảm bảo kịp thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập trên địa bàn Thành phố nhằm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với tình hình thực tế sau khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy hành chính, cơ quan chuyên môn các cấp, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và sáp nhập tỉnh/thành đạt hiệu quả.

8.3. Nội dung chủ yếu:

Quy định này quy định việc Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu quản lý,

khai thác các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Quy định này không điều chỉnh việc phân cấp thẩm quyền thẩm định, quyết định đầu tư các dự án đầu tư xây dựng trên các tuyến sông, suối, kênh, rạch, hồ, đập.

9. Quyết định số 40/2026/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2026 ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

9.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2026.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14; Luật Thủy sản số 18/2017/QH14; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP; Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP; Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi sáp nhập cấp tỉnh, sắp xếp và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp thì địa giới hành chính, tên gọi và chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương có sự thay đổi, dẫn đến một số nội dung, mức chuẩn trợ giúp xã hội trước đây đã không còn phù hợp. Bên cạnh đó, một số căn cứ pháp lý xây dựng các quy định liên quan trước đây đã được sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới.

c) Mục đích ban hành

Xây dựng Quyết định ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh làm cơ sở để các sở, ngành, đơn vị Thành phố và Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu căn cứ, áp dụng chính sách hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra được kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và đúng quy định pháp luật hiện hành.

9.3. Nội dung chủ yếu:

Quyết định này quy định các mức hỗ trợ về chính sách trợ giúp cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa đá, sương

mù, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất, sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng do tự nhiên, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

10. Quyết định số 41/2026/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2026 phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đối với các nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

10.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 26/6/2026.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15, số 95/2025/QH15, số 146/2025/QH15 và số 147/2025/QH15;

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

b) Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, thực tiễn quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn Thành phố bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc như: Việc áp dụng không thống nhất thẩm quyền giữa các cấp trong các nhiệm vụ như thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giao đất, cho thuê đất; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất... dẫn đến chậm trễ xử lý hồ sơ, bị đình trệ do thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng về phân cấp, phân quyền. Thời gian giải quyết kéo dài, thủ tục phức tạp, chưa được cắt giảm theo tinh thần cải cách hành chính. Do đó, cần thiết ban hành quy định mới nhằm bảo đảm thống nhất giữa các cấp chính quyền, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Điều 14, Điều 15 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

c) Mục đích ban hành

Kịp thời xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm phù hợp với Luật, Nghị định và thực tiễn thực thi; bảo đảm sự tinh gọn của văn bản quy phạm

pháp luật. Nâng cao trách nhiệm và hiệu quả phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10.3. Nội dung chủ yếu:

Quyết định này quy định phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

11. Quyết định số 42/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 về việc tổ chức làm việc sáng thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

11.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10/7/2026.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Quyết định số 14/2010/QĐ-TTg ngày 12/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức làm việc vào ngày thứ bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính;

b) Cơ sở thực tiễn

Tổ chức làm việc sáng thứ Bảy hàng tuần tại các đơn vị có mật độ dân cư đông, mức độ đô thị hóa cao, gần các khu công nghiệp là phù hợp với thực tế hiện nay, khi nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức ngày càng cao, tập trung ở những lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi tối đa, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công cho người dân, vì hiện nay nhiều người dân, doanh nghiệp thường bận rộn trong giờ hành chính các ngày trong tuần, nhất là lao động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, tiểu thương, công nhân... nên khó bố trí thời gian để liên hệ giải quyết thủ tục hành chính. Góp phần giảm tải khối lượng công việc trong giờ hành chính các ngày trong tuần, đặc biệt ở các lĩnh vực có nhiều hồ sơ phát sinh.

c) Mục đích ban hành

Từ thực tiễn tình hình triển khai công tác cải cách hành chính của Thành phố trong tình hình mới, việc ban hành Quyết định về tổ chức làm việc sáng thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính cho người dân trên địa bàn Thành phố là hết sức cần thiết, trên cơ sở kế thừa nội dung các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu trước sáp nhập (Quyết định số 09/2019/QĐUBND) và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước sáp nhập (Quyết định số 32/2010/QĐ-UBND); đồng thời có điều chỉnh, thay đổi để phù hợp với tình hình mới của Thành phố Hồ Chí Minh.

11.3. Nội dung chủ yếu:

Quyết định này quy định về việc tổ chức làm việc sáng thứ Bảy hàng tuần (trừ ngày lễ, tết và ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật) để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả một số thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026 quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh

12.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 26/6/2026.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

- Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ.

b) Cơ sở thực tiễn

Quán triệt các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng xe ô tô công; nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công là xe ô tô; bảo đảm an toàn cho tài sản và người sử dụng. Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống văn bản pháp luật, sự phù hợp với tình hình thực tế, kịp thời xử lý những nội dung không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, góp phần hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh và thúc đẩy kinh tế - xã hội ngày càng phát triển.

c) Mục đích ban hành

Hoàn thiện thể chế, chính sách trong quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật. Việc ban hành quy định về tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng cho các cơ quan, đơn vị còn nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng xe ô tô, làm căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, mua sắm; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô nhằm đảm bảo theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

12.3. Nội dung chủ yếu:

Quyết định này quy định số lượng tối đa, chủng loại, mức giá, nguyên tắc trang bị, quản lý sử dụng xe ô tô chuyên dùng và các nội dung khác liên quan đến tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định này không điều chỉnh đối với tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế.

13. Quyết định số 45/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

13.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15; Luật số 146/2025/QH15 và Luật số 147/2025/QH15;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

b) Cơ sở thực tiễn

Việc xây dựng Hệ số điều chỉnh giá đất là cần thiết để đảm bảo công tác quản lý đất đai tuân thủ đúng quy định hiện hành, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và người sử dụng đất; mở rộng phạm vi áp dụng giá đất trong bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất; kịp thời cập nhật biến động của thị trường bất động sản theo từng thời kỳ và từng khu vực cụ thể; xác định mức giá đất hợp lý, phù hợp với thực tế thị trường; góp phần hạn chế các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến giá đất, đặc biệt trong công tác bồi thường và giải phóng mặt bằng; giúp đơn giản hóa quá trình xác định giá đất cụ thể.

c) Mục đích ban hành

Quyết định ban hành quy định Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc Hội, cũng như từ nhu cầu thực tiễn trong việc quản lý đất đai trên địa bàn Thành phố, công tác xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 là cần thiết để đưa giá đất do Nhà nước ban hành tiệm cận giá thị trường trong bối cảnh thúc đẩy nền kinh tế, khơi thông nguồn lực đất đai, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công của Thành phố.

13.3. Nội dung chủ yếu:

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trong tháng 6 năm 2026, Sở Tư pháp Thành phố xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân Thành phố (để báo cáo);
- Giám đốc Sở Tư pháp (để báo cáo);
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thành viên HĐPHPBGDPL Thành phố;
- Các PCM, ĐVTT Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Thành phố (để đăng tải);
- Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp (để đăng tải);
- Lưu: VT, PBGDPL (Hoàng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Hồng Hạnh